

Bản án số: 40 /2023/DSPT

Ngày: 16/5/2023.

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Thẩm phán:

Ông Lê Trúc Lâm

Bà Đậu Thị Quy

- Thư ký Tòa án: Ông Phạm Quang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Trần Thị Thu Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 178/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn P1, xã H, huyện P, Phú Yên. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Ngọc T, sinh năm 1966, bà Phạm Thị H, sinh năm 1967; Đồng trú tại: Thôn P1, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Vợ chồng ông Phạm Ngọc H1, sinh năm 1980, bà Phạm Thị N, sinh năm 1976;

3.2. Ông Phạm Tấn S, sinh năm 1966;

3.3. Ông Phạm H2, sinh năm 1955;

3.4. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1947;

Đều trú tại: thôn P1, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

3.5. Bà Đàm Thị A, sinh năm 1944;

3.6. Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1963;

3.7. Ông Phạm Chánh Th, sinh năm 1968;

3.8. Ông Phạm Chánh Kh, sinh năm 1970;

Đều trú tại: Thôn N1, xã N, thành phố T, Phú Yên.

3.9. Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn K, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên

Ông S có mặt, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện do ông Nguyễn Văn Y viết ngày 06/8/2018, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày có nội dung: Vào năm 2005 ông Nguyễn Văn Y có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Phạm Ngọc H1, bà Nguyễn Thị N, với diện tích đất 217,2m² (lô đất có 02 đoạn, đoạn 1 mặt tiền chiều rộng 9.2m, chiều dài 15m; đoạn 2 tiếp giáp đoạn 1 có chiều rộng 8.2m, chiều dài 11m), tọa lạc tại thôn P1, xã H, huyện P; lô đất có giới cận: Phía đông và phía bắc giáp đất vợ chồng ông Phạm Ngọc T, bà Phạm Thị H, phía tây giáp đất ông Phạm Tấn S, phía nam giáp đường đi. Theo hợp đồng chuyển nhượng thì ông Y phải trả cho vợ chồng ông H1, bà N 4,5 lượng vàng y và ông Y đã giao đủ số vàng như hai bên đã thỏa thuận nhưng khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng chỉ viết giấy tay, không có công chứng, chứng thực của chính quyền địa phương, khi ông Y nhận chuyển nhượng thì diện tích đất đã có rào phân định ranh giới rõ ràng nhưng do ông Y đi làm ăn xa, không trông coi nên vợ chồng ông T đã tháo dỡ hàng rào lấn chiếm, đến năm 2016 vợ chồng ông T, bà H đã lấn chiếm hết đoạn 2 và một phần đoạn 1 diện tích đất ông Y đã nhận chuyển nhượng nêu trên và hiện nay vợ chồng ông T, bà H đã lấn chiếm hết diện tích của ông Y để xây dựng 01 chuồng bò bằng gạch và xây dựng tường rào. Vì vậy, ông Y khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông T, bà H phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng để trả lại diện tích lấn chiếm nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phạm Ngọc T trình bày: Ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Y vì không lấn chiếm đất của ông Y.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Tấn S trình bày: Nguyên diện tích đất ông Nguyễn Văn Y đang tranh chấp là của cha, mẹ ông là Phạm Tr1 và Nguyễn Thị S1 (đều đã chết) để lại cho ông S là người trực tiếp

sử dụng nên ông có viết giấy tay bán cho vợ chồng ông Phạm Ngọc H1, bà Phạm Thị N nhiều lần (hai lần), trong đó có một lần ông Phạm Tr1 bán cho vợ chồng ông H1, bà N, sau đó vợ chồng ông H1, bà N bán lại cho ông Y có ranh giới phía đông giáp với diện tích đất ông Phạm Ngọc T, bà Phạm Thị H đang sử dụng. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng ông T, bà H đã lấn chiếm hết diện tích đất của ông Y, đối với diện tích đất của vợ chồng ông T, bà H có nguồn gốc của cha, mẹ ông S, nhưng khi ông Tr1 còn sống thì ông S cũng là người viết giấy bán, do bán nhiều lần nên ông S không nhớ diện tích đất bao nhiêu vì vợ chồng ông T, bà H nắm giữ giấy tờ. Lúc ông S viết giấy bán đất cho vợ chồng ông H1, bà N thì có ranh giới bằng hàng rào dâm bụt nhưng sau đó vợ chồng ông T đã phá dỡ hàng rào lấn qua diện tích đất của ông Y nên đề nghị Tòa xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Y.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Phạm Ngọc H1, bà Nguyễn Thị N trình bày: Vào năm 2005, vợ chồng ông H1, bà N có bán lại diện tích đã mua của ông Phạm Tấn S cho ông Nguyễn Văn Y tổng diện tích đất 217,2m² bao gồm hai đoạn, đoạn phía trước rộng 9,2m, dài 15m và đoạn sau rộng 7,2m, dài 11m, có giới cận phía đông giáp đất ông Phạm Ngọc T, phía tây giáp đất ông Phạm Tấn S, phía nam giáp đường đi và phía bắc giáp đất ông Phạm Ngọc T với số vàng là 4,5 lượng vàng y, mặc dù vợ chồng ông H1, bà N và ông Y có viết chuyển nhượng diện tích đất rộng 10m, dài 26m nhưng trên thực tế chỉ chuyển nhượng diện tích đất 217,2m², khi vợ chồng ông H1, bà N bán đất cho ông Y thì hiện trạng đất đã được rào bằng hàng rào dâm bụt có ranh giới rõ ràng. Nay ông Y khởi kiện thì vợ chồng ông H1, bà N xác nhận ông T có lấn chiếm đất của ông Y nhưng lấn chiếm diện tích bao nhiêu thì vợ chồng ông H1 không biết rõ, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Tr trình bày: Bà Tr là chị gái của ông Phạm Tấn S và là con gái ông Phạm Tr1, sau khi ông Tr1 chết có để lại diện tích đất hiện nay ông S đang ở, việc ông S có bán đất cho bà Nguyễn Thị N và ông Phạm Ngọc H1, sau đó chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Y thời gian nào thì bà Tr không biết, nay các bên tranh chấp bà Tr không có ý kiến, không có tranh chấp gì, tùy quyền của ông S quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đàm Thị A trình bày: Cha chồng bà A là ông Phạm Tr1, mẹ chồng Nguyễn Thị S1 đều đã chết, sinh thời có 03 người con là ông Phạm Văn Đ (chồng bà A) chết năm 1975, bà Phạm Thị Tr và ông Phạm Tấn S, khi còn sống ông Tr1, bà S1 có khối tài sản là diện tích đất ở thôn P1, xã H, huyện P. Khi ông Đ chết thì cha, mẹ chồng bà A có giao toàn bộ nhà và diện tích đất ông S đang quản lý cho bà Á sử dụng nhưng sau khi ông Tr1, bà S1 chết thì giữa bà A và ông S xảy ra mâu thuẫn nên bà A

đi nơi khác ở, không đi về nhà cha, mẹ chồng nữa. Việc mua bán đất giữa ông S với ông Nguyễn Văn Y và ông Phạm Ngọc T đối với diện tích đất của cha, mẹ thì bà A không đồng ý vì bà A không biết. Vợ chồng bà A, ông Đ có 03 người con là Phạm Thị Ng, Phạm Chánh Th và Phạm Chánh Kh

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Chánh Th trình bày: Nguyên diện tích đất đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn Y và ông Phạm Ngọc T là do ông Phạm Tr1 đứng tên kê khai tại sổ địa chính xã H, huyện P, việc ông Tr1 và ông Phạm Tấn S có bán đất cho ông H1, bà N và bán đất cho ai khác thì ông Th không biết, việc ông T có lấn đất ông Y hay không thì ông Th cũng không biết. Nay ông Y và ông T tranh chấp đất thì ông Th không có ý kiến gì và cũng không tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm H2 trình bày: Cha ông H2 là Phạm A1, sinh năm 1924 (chết trên 10 năm), mẹ là Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1927 chết cách đây 07 năm, cha mẹ ông H2 gồm có 03 người con là Phạm D1, sinh năm 1961, chết cách đây 02 năm, có vợ là Nguyễn Thị Mỹ D2 chết trước ông D1 một tháng, bà Phạm Thị D, sinh năm 1947 và ông Phạm H2. Gia đình ông H2 có quan hệ bà con xa với ông Phạm Tr1 khi nhà nước cân đối đất theo Nghị định 64/CP thì ông H2 được biết cha ông không được chia diện tích đất nào mà giáp ranh đất với ông Phạm Tr1, việc chính quyền địa phương xác nhận ông Phạm A1 có đứng tên kê khai, diện tích đất 56m², tại số thửa 386B, tờ bản đồ 301B thì ông H2 không biết và không ý kiến hay tranh chấp gì.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Phạm Chánh Kh, bà Phạm Thị Ng, bà Phạm Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2022/DSST ngày 27/9/2022 của TAND huyện P, tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Áp dụng Điều 101, Điều 167, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 117, Điều 119, Điều 122, Điều 129, Điều 166, Điều 169 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Y, về việc yêu cầu ông Phạm Ngọc T và bà Phạm Thị H phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 217,5m² vì không có căn cứ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03.10.2022, nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Y giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo yêu cầu HĐXX sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Tấn S yêu cầu HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vì đất ông đã bán cho ông H1, bà N (ông H1, bà N bán lại cho ông Y), đất bán cho gia đình ông T cùng là Giấy viết tay, do chính tay ông viết, ông T lấn chiếm đất của gia đình ông Y là đúng sự thật vì khi ông bán đất cho 02 gia đình này thì đã có ranh giới rõ ràng.

Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không chấp hành tham gia tố tụng thì phải chịu hậu quả pháp lý. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS hủy bản án sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ Điều 296 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Y thấy rằng: Ngày 13/5/2000, ông Phạm Tr1 viết giấy tay chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phạm Ngọc H1, bà Nguyễn Thị N diện tích đất 84m² (chiều rộng 7m x 12m chiều dài), có giới cận: Phía Đông giáp vườn nhà ông Phạm Ngọc T, phía Tây giáp nhà ông Phạm Tấn S, phía Nam giáp đường đi công cộng, với số vàng là 07 chỉ vàng y. Đến tháng 4/2001 (âm lịch), ông S viết giấy chuyển nhượng diện tích đất cho vợ chồng ông H1, bà N trùng với diện tích ông Phạm Tr1 đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông H1, bà N, tuy nhiên mặt tiền chiều rộng 8m, chiều dài 15m và một đoạn kế tiếp nằm phía sau chiều rộng 6m, chiều dài 11m, có giới cận: Phía Đông giáp nhà ông Phạm Ngọc T, phía Tây giáp nhà ông Phạm Tấn S, phía Nam giáp đường đi công cộng, với số vàng là 08 chỉ 05 phân vàng y. Đến ngày 14/8/2001 (âm lịch), ông S viết giấy chuyển nhượng tiếp cho vợ chồng ông H1, bà N một đoạn mặt tiền chiều rộng 1,2m, chiều dài 26m, có giới cận: Phía Đông giáp nhà ông Phạm Ngọc T, phía Tây giáp nhà ông Phạm Tấn S, phía Nam giáp đường đi công cộng, với số vàng là 07 chỉ vàng y. Đến ngày 07/5/2005, vợ chồng ông H1, bà N chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Y toàn bộ diện tích đất theo hai giấy viết tay mà ông S đã

chuyển nhượng nêu trên với giá là 04 lượng 05 chỉ vàng y, ông Y và ông S thống nhất diện tích đất ông Y nhận chuyển nhượng với diện tích đất gia đình ông T, bà H sử dụng có ranh giới là hàng rào cây dâm bụt, do ông Y đi làm ăn xa, không trông coi nên vợ chồng ông T tháo dỡ hàng rào lấn chiếm hết diện tích đất của ông Y xây dựng chuồng bò và tường rào.

[3] Cấp sơ thẩm nhiều lần tiến hành các thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và định giá diện tích đất tranh chấp nhưng bị đơn ngăn cản nên Tòa án không thực hiện được. Giai đoạn phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Y tiếp tục yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và định giá diện tích đất tranh chấp, Tòa án áp dụng Điều 8 Nghị quyết 02/2020/NQ-HĐTP ngày 24/9/2020 hướng dẫn áp dụng một số quy định về các biện pháp khẩn cấp tạm thời của BLTTDS tiến hành các thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc diện tích đất thực tế theo xác nhận ranh giới, mốc giới đất do ông S là người chuyển nhượng đất cùng ông Y xác định, kết quả đo vẽ diện tích đất ông Y nhận chuyển nhượng là: 216,3m², tài sản gắn trên đất được ông S và ông Y cùng thống nhất xác nhận gồm 01 giếng nước cũ là của gia đình ông S; 05 bụi chuối, 07 trụ bê tông cao khoảng 1,2m, 01 chuồng trại có diện tích 29m², tại ranh giới phía Tây giáp đất ông S có 01 bức tường xây gạch đá cũ cao khoảng 1,2m, chiều dài 7,2m, 01 đoạn hàng rào lưới B40 cao khoảng 1,2m do vợ chồng ông T, bà H tự ý xây dựng.

[4] Để đảm bảo cho bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành quyết định cung cấp chứng cứ số 374/2023/QĐ-CCCC ngày 05.5.2023 kèm kết quả đo đạc tổng đạt cho ông T, bà H nhưng họ không ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

[5] Xét thấy: Quyền sử dụng đất hiện ông T, bà H đang sử dụng và quyền sử dụng đất hiện ông Y tranh chấp có chung nguồn gốc, được ông S (con ông Tr1) xác nhận ông là người viết giấy tay bán nhiều lần cho gia đình ông T, gia đình ông Y nhưng không ai kê khai, hiện nay toàn bộ các diện tích đất này vẫn thể hiện trong GCNQSDĐ của hộ ông Phạm Tr1. Ông S xác định diện tích đất ông Y tranh chấp với ông T, bà H là đúng vị trí thể hiện trong các giấy chuyển nhượng đất do ông Tr1, ông S chuyển nhượng, ông S khẳng định ông T, bà H đã lấn chiếm của ông Y.

[6] Các đương sự tranh chấp ai là người có QSD đất, quá trình tố tụng, ông Nguyễn Văn Y cung cấp toàn bộ các giấy nhận chuyển nhượng đất để chứng minh quyền sử dụng đất của mình, về phía bị đơn ông Phạm Ngọc T, bà Phạm Thị H, Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp của mình, sơ thẩm tập trung xét hợp đồng chuyển nhượng QSD đất giữa ông S, ông H1, bà

Nh với ông Y để làm căn cứ quyết định là không đúng nội dung tranh chấp, không đúng phạm vi khởi kiện, không ai tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng, cấp sơ thẩm xét hiệu lực của hợp đồng là vượt quá yêu cầu khởi kiện, bác yêu cầu của nguyên đơn nhưng không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, trong khi ông S khẳng định ông cũng chuyển nhượng đất cho ông T, bà H bằng giấy viết tay nhưng ông T, bà H không cung cấp giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất của mình, như vậy ông T, bà H cũng như ông Y sử dụng đất có giá trị pháp lý như nhau, do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y là không đảm bảo quyền lợi của ông Y, cấp phúc thẩm đã đo vẽ và xem xét hiện trạng đất thực tế, là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, tuy nhiên nếu sửa án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y thì mất quyền kháng cáo của ông T, bà H đối với nội dung tranh chấp.

[7] Từ những căn cứ trên, HĐXX chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa hủy án sơ thẩm để xét xử lại là phù hợp pháp luật.

[8] Về án phí: đương sự kháng cáo không pH1 chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Hủy án bản án sơ thẩm số: 44/2022/DSST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Yên. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác được giải quyết lại khi cấp sơ thẩm quyết định.

Về án phí phúc thẩm: người kháng cáo ông Nguyễn Văn Y không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Ý số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 7394 ngày 14.10.2022 của Chi cục THADS huyện P.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện P (2);
- Chi cục THADS huyện P;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- P.KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

Vũ Ngọc Hà

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Hà

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện Phú Hòa (2);
- Chi cục THADS huyện Phú

Hòa;

- P.KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà

QUYẾT ĐỊNH:

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Phú Yên
(2);
- TAND huyện Phú Hòa
(2);
- Chi cục THADS
huyện Phú Hòa;
- P.KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà